

# CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

---

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2018

---

Tháng 03 năm 2018



**CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**

Biệt thự 35 BT5 Khu đô thị Pháp Vân – Tứ Hiệp, P.Hoàng Liệt, Q.Hoàng Mai, TP Hà Nội, Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

	<u>TRANG</u>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	2 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	6 - 14

---

HOA

**CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**

Biệt thự số 35 BT5, KĐT Pháp Vân – Tứ Hiệp, P.Hoàng Liệt, Quận, Hoàng Mai, TP Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2018	01/01/2018
1	2	3	4	5
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>				
	<b>100</b>		<b>64.575.146.535</b>	<b>71.750.828.155</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>2.024.436.932</b>	<b>1.082.906.633</b>
1. Tiền	111		2.024.436.932	1.082.906.633
2. Các khoản tương đương tiền	112			
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>			
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>V.02</b>	<b>19.938.991.931</b>	<b>28.025.646.543</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		14.382.738.681	25.727.417.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.776.566.000	2.677.940.693
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		3.779.687.250	570.288.850
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137			(950.000.000)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>40.760.000.000</b>	<b>40.760.000.000</b>
1. Hàng tồn kho	141		40.760.000.000	40.760.000.000
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.851.717.672</b>	<b>1.882.274.979</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		25.176.129	25.840.903
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.826.541.543	1.856.434.076
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153			
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>6.623.168.709</b>	<b>6.710.296.809</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>3.922.199.930</b>	<b>3.922.199.930</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216		3.922.199.930	3.922.199.930
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>V.03</b>	<b>2.700.968.779</b>	<b>2.788.096.879</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**

Biệt thự số 35 BT5, KĐT Pháp Vân – Tứ Hiệp, P.Hoàng Liệt, Quận, Hoàng Mai, TP Hà Nội

1. Tài sản cố định hữu hình	221		2.700.968.779	2.788.096.879
- Nguyên giá	222		4.519.685.561	4.519.685.561
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.818.716.782)	(1.731.588.682)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227			
- Nguyên giá	228		130.909.127	130.909.127
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(130.909.127)	(130.909.127)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.04</b>		
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242			
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>			
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>			
1. Chi phí trả trước dài hạn	261			
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>71.198.315.244</b>	<b>78.461.124.964</b>
<b>C – NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>43.979.108.980</b>	<b>51.251.511.544</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>V.05</b>	<b>43.979.108.980</b>	<b>51.251.511.544</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		29.455.246.511	39.581.783.537
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		7.759.268.567	3.633.031.825
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		130.639.115	189.559.901
4. Phải trả người lao động	314		165.309.958	177.163.820
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		40.000.000	220.300000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		66.670.242	62.697.874
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		6.301.000.000	7.326.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		60.974.587	60.974.587
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>			
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			



**CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**

Biệt thự số 35 BT5, KĐT Pháp Vân – Tứ Hiệp, P.Hoàng Liệt, Quận, Hoàng Mai, TP Hà Nội

4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334	V.06			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335				
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336				
7. Phải trả dài hạn khác	337				
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338				
9. Trái phiếu chuyển đổi	339				
10. Cổ phiếu ưu đãi	340				
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341				
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342				
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343				
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>			<b>27.219.206.264</b>	<b>27.209.613.420</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		V.07	<b>27.219.206.264</b>	<b>27.209.613.420</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411			20.000.000.000	20.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	20.000.000.000		20.000.000.000	
- Cổ phiếu ưu đãi	411b				
2. Thặng dư vốn cổ phần	412				
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413				
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414				
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415				
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416				
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417				
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	2.863.107.311		2.863.107.311	
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419				
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420				
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	3.845.532.741	3.835.939.897		
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	3.835.939.897	(7.452.386.452)		
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	9.592.844	11.288.326.349		
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422				
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	510.566.212	510.566.212		
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>				
1. Nguồn kinh phí	431				
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432				
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>71.198.315.244</b>	<b>78.461.124.964</b>	



**Hoàng Thị Khánh Vân**  
Người lập biểu



**Phạm Thị Minh Thư**  
Kế toán trưởng



**Đặng Quang Nam**  
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 03 năm 2018

Mẫu số B 02-DN  
 Đơn vị: VND

## BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ I NĂM 2018

Đơn vị tính:  
 VNĐ

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý I năm 2018	Quý I năm 2017	Lũy kế từ 01/01/2018 đến 31/03/2018	Lũy kế từ 01/01/2017 đến 31/03/2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	1.321.850.667	2.685.953.871	1.321.850.667	2.685.953.871
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		<b>1.321.850.667</b>	<b>2.685.953.871</b>	<b>1.321.850.667</b>	<b>2.685.953.871</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	667.128.100	1.339.124.373	667.128.100	1.339.124.373
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>654.722.567</b>	<b>1.346.829.498</b>	<b>654.722.567</b>	<b>1.346.829.498</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	205.792	1.804.664	205.792	1.804.664
7. Chi phí tài chính	22	VI.05				
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23					
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh liên kết	24					
9. Chi phí bán hàng	25		11.253.910	18.589.000	11.253.910	18.589.000
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		625.244.483	940.228.505	625.244.483	940.228.505
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22) - (25+26))</b>	<b>30</b>		<b>18.429.966</b>	<b>389.816.657</b>	<b>18.429.966</b>	<b>389.816.657</b>
12. Thu nhập khác	31	VI.04				
13. Chi phí khác	32					
<b>14. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>					
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>18.429.966</b>	<b>389.816.657</b>	<b>18.429.966</b>	<b>389.816.657</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		8.837.122		8.837.122	
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>9.592.844</b>	<b>389.816.657</b>	<b>9.592.844</b>	<b>389.816.657</b>
18.1 Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		35.348.488	389.816.657	35.348.488	389.816.657
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62					
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70	VI.06				
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					




**Hoàng Thị Khánh Vân**  
 Người lập biểu



**Phạm Thị Minh Thư**  
 Kế toán trưởng



  
**Đặng Quang Nam**  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 31 tháng 03 năm 2018



**CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**

Biệt thự số 35 BT5, KĐT Pháp Vân – Tứ Hiệp, P.Hoàng Liệt, Quận, Hoàng Mai, TP Hà Nội

Mẫu số B03- DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
**QUÝ I/2018**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ 01/01/2018 đến 31/03/2018	Lũy kế từ 01/01/2017 đến 31/03/2017
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		17.004.553.502	10.296.831.045
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		-10.647.912.200	-3.155.847.298
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		-528.635.457	-779.081.000
4. Tiền lãi vay đã trả	04		-188.538.500	
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-52.232.429	
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.000.000	487.986.206
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		-3.621.704.617	-1.387.928.491
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>1.966.530.299</b>	<b>5.461.960.462</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>			
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33		925.000.000	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-1.950.000.000	
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>-1.025.000.000</b>	
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>941.530.299</b>	<b>5.461.960.462</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1.082.906.633	4.110.079.765
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	VII.34	<b>2.024.436.932</b>	<b>9.572.040.227</b>



**Hoàng Thị Khánh Vân**  
Người lập biểu



**Phạm Thị Minh Thư**  
Kế toán trưởng



**Đặng Quang Nam**  
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 03 năm 2018



## **I THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sara Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103004132 ngày 12 tháng 04 năm 2004 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi bổ sung do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 14 ngày 17 tháng 08 năm 2016, số đăng ký kinh doanh của Công ty thay đổi từ số 0103004132 thành số 0101476469, vốn điều lệ của Công ty là 20.000.000.000 đồng, tổng số cổ phiếu là 2.000.000 cổ phiếu, mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu.

Tên giao dịch quốc tế của Công ty: Sara Vietnam Joint Stock Company.

Tên viết tắt: SARA., JSC.

Ngày 10 tháng 01 năm 2018 Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là SRA.

### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông. Chi tiết: Buôn bán hàng tạp phẩm, điện tử, tin học, thiết bị vật tư, phương tiện vận tải;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép. Chi tiết: Buôn bán hàng vải sợi may mặc;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng và hàng trang trí nội thất;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Buôn bán vật liệu xây dựng và hàng trang trí nội thất;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa; đại lý phát triển dịch vụ ADSL; đại lý phát hành phim ảnh, chương trình phát thanh, truyền hình;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Dịch vụ ăn uống, giải khát;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh khách sạn (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch. Chi tiết: Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Vận tải hàng hóa;
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: vận chuyển hành khách;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn về chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực điện tử, tin học; Tư vấn về môi trường; đánh giá tác động môi trường;
- Lập trình máy vi tính. Chi tiết: Sản xuất phần mềm vi tính;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (Không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất); dịch vụ cho thuê nhà, cho thuê văn phòng;
- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: Đào tạo, dạy nghề ngoại ngữ, tin học, kỹ thuật viên công nghệ thông tin, chuyên viên công nghệ thông tin, kế toán máy, cơ khí (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục. Chi tiết: Tư vấn du học;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết : Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp và giao thông, thủy lợi; Xây dựng cơ sở hạ tầng mạng viễn thông; xây dựng, kinh doanh dịch vụ khu công viên, khu vui chơi giải trí;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn đầu tư (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình); Tư vấn, cung cấp các dịch vụ cho thuê nguồn nhân lực công nghệ thông tin;



**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)**

- Dịch vụ liên quan đến in: In và các dịch vụ liên quan đến in (trừ lĩnh vực Nhà nước cấm);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Khảo sát xây dựng các công trình giao thông đường bộ ;
- Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính: sản xuất, lắp ráp máy tính, các thiết bị viễn thông.
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi: Sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng máy vi tính và các thiết bị ngoại vi khác;
- Hoạt động viễn thông khác. Chi tiết: Đại lý kinh doanh dịch vụ Internet, lắp đặt mạng LAN, WAN, đại lý cung cấp các dịch vụ bưu chính viễn thông, cung cấp dịch vụ gia tăng trên mạng thông tin di động, đại lý kinh doanh game (trò chơi trực tuyến);
- Quảng cáo: Dịch vụ quảng cáo trên mạng Internet; dịch vụ quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá);
- Sản xuất linh kiện điện tử: sản xuất linh kiện, thiết bị điện dân dụng;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: Buôn bán linh kiện, thiết bị điện dân dụng;
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan: Dịch vụ cung cấp thông tin thị trường (Trừ loại thông tin Nhà nước cấm, dịch vụ điều tra); Dịch vụ cho thuê các quy trình nghiệp vụ (BPO);
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu: Kinh doanh các dịch vụ giải trí truyền hình, báo chí;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (Không bao gồm xuất khẩu vàng miếng và vàng nguyên liệu);
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại: Tổ chức hội nghị, hội thảo, sự kiện, hội chợ triển lãm (không bao gồm tổ chức họp báo);
- Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu : Dịch vụ trung tâm cung cấp dữ liệu (DATA CENTER), trung tâm hỗ trợ qua điện thoại (CONTACT CENTER) (không bao gồm dịch vụ điều tra và cung cấp các loại thông tin Nhà nước cấm);
- Khai thác, xử lý, cung cấp nước;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Thu gom rác thải độc hại (trừ các loại Nhà nước cấm);
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại (trừ các loại Nhà nước cấm);
- Tái chế phế liệu (trừ các loại Nhà nước cấm);
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018 Công ty có trụ sở đặt tại Biệt thự 35 BT5, khu đô thị Pháp Vân – Tứ Hiệp, P.Hoàng Liệt, Q.Hoàng Mai, Hà Nội

Đồng thời Công ty có 3 Công ty con sau:

1. Công ty Cổ phần Đầu tư kỹ thuật cao Cần Thơ (“Công ty con”) là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6300290910 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp lần đầu ngày 07 tháng 08 năm 2017.

Trụ sở: 1/57, đường 30/4, KV2, phường Lái Hiếu, thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang



## CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Biệt thự số 35 BT5, KĐT Pháp Vân – Tứ Hiệp, P.Hoàng Liệt, Quận, Hoàng Mai, TP Hà Nội

### I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

#### Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính là: bán buôn máy, thiết bị y tế - mua bán vật tư tiêu hao, phim ảnh, hóa chất y tế.

2. Công ty Cổ phần Đầu tư kỹ thuật cao Nha Trang (“Công ty con”) là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4201756523 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 23 tháng 08 năm 2017.

Trụ sở: Số 2, Đường 653B, Tổ 6, Thị trấn Khánh Vĩnh, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa.  
Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính là: bán buôn máy, thiết bị y tế - mua bán vật tư tiêu hao, phim ảnh, hóa chất y tế.

3. Công ty Cổ phần Đầu tư kỹ thuật cao Phú Thọ (“Công ty con”) là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2600985779 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp lần đầu ngày 21 tháng 08 năm 2017.

Trụ sở: Số 108, phố Cầu Đất, thị trấn Thanh Sơn, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.  
Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính là: bán buôn máy, thiết bị y tế - mua bán vật tư tiêu hao, phim ảnh, hóa chất y tế.

### II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

#### Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính này phản ánh kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017.

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: kế toán trên máy vi tính.



#### **IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính::

##### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### **Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

##### **Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.



#### **IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

##### **Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

##### **Góp vốn liên doanh**

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.



#### **IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

##### **Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm (theo VAS11- Hợp nhất kinh doanh, thời gian hữu dụng ước tính tối đa không quá 10 năm). Định kỳ, Công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con. Nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

##### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

##### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

##### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền (hoặc nhập trước xuất trước hoặc thực tế đích danh hoặc phương pháp giá bán lẻ trong trường hợp hàng hóa). Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.



**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do nhà thầu thực hiện là giá trị quyết toán cuối cùng của công trình cộng các chi phí liên quan trực tiếp và chi phí đăng ký, nếu có.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 08

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Phần mềm hệ thống dự toán, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.



**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác

(bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.



## CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Biệt thự số 35 BT5, KĐT Pháp Vân – Tứ Hiệp, P.Hoàng Liệt, Quận, Hoàng Mai, TP Hà Nội

### IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

#### Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

### V. CÁC CÔNG TY CON HỢP NHẤT

Số lượng Công ty con được hợp nhất gồm: 03 Công ty.

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP đầu tư kỹ thuật cao Phú Thọ	Tỉnh Phú Thọ	98%	98%	Buôn bán linh kiện, thiết bị điện dân dụng; Bán buôn dụng cụ y tế; Doanh nghiệp bán buôn thuốc...
Công ty CP đầu tư kỹ thuật cao Cần Thơ	Tỉnh Hậu Giang	98%	98%	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông
Công ty CP đầu tư kỹ thuật cao Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	98%	98%	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông

### VI. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

#### 1. Tiền và cá khoản tương đương tiền

	31/01/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt VND	2.009.398.984	78.182.184
Tiền gửi ngân hàng	15.037.948	1.004.724.449
Các khoản tương đương tiền (*)	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.024.436.932</b>	<b>1.082.906.633</b>

#### 2. Các khoản phải thu ngắn hạn khách hàng

31/03/2018	01/01/2018
VND	VND



**CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**

Biệt thự số 35 BT5, KĐT Pháp Vân – Tứ Hiệp, P.Hoàng Liệt, Quận, Hoàng Mai, TP Hà Nội

Công ty CP trung tâm xét nghiệm và MT Phú Thọ	10.591.926.681	10.248.050.000
Công ty CP trung tâm xét nghiệm và MT Cần Thơ	2.236.500.000	3.936.500.000
Công ty CP trung tâm xét nghiệm và MT Nha Trang	-	4.725.000.000
Công ty CP Deltech	402.735.000	5.638.290.000
Công ty CP Thiết bị y tế Triết Tôn Tiên	792.000.000	-
Các đối tượng khác	359.577.000	1.179.577.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>14.382.738.681</b>	<b>25.727.417.000</b>

**3. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Ban quyền, bằng sáng chế	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư ngày 01/01/2018	3.692.906.129	317.059.632	509.719.800	4.519.685.561
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	991.937.350	317.059.632	509.719.800	1.818.716.782
Khấu hao trong kỳ	87.128.100			87.128.100
Số dư ngày 31/03/2017	2.700.968.779			2.700.968.779

**4. Trả trước cho người bán**

	31/03/2018	01/01/2018
	VND	VND
P.T Meditegra	1.746.816.000	1.746.816.000
Các đối tượng khác	29.750.000	19.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.776.566.000</b>	<b>1.765.816.000</b>

**5. Phải trả người bán:**

	31/03/2018	01/01/2018
	VND	VND

**CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**

Biệt thự số 35 BT5, KĐT Pháp Vân – Tứ Hiệp, P.Hoàng Liệt, Quận, Hoàng Mai, TP Hà Nội

Trường ĐH CNTT – ĐH QG TP HCM	423.712.527	423.712.527
Cty TNHH ĐTTM và Dịch vụ Vạn Cường	265.500.000	265.500.000
Công ty CP kanpeki Nhật Bản	7.166.256.710	8.562.756.710
Công ty CP trung tâm xét nghiệm và MT Cần Thơ	7.055.000.000	12.255.000.000
Công ty CP trung tâm xét nghiệm và MT Nha Trang	6.635.000.000	6.055.000.000
Công ty CP trung tâm xét nghiệm và MT Phú Thọ	7.006.751.988	11.780.000.000
Các đối tượng khác	157.543.286	239.814.300
		39.581.783.537
<b>Tổng cộng</b>	<b>29.455.246.511</b>	<b>39.581.783.537</b>

**6. Người bán trả tiền trước**

	31/03/2018	01/01/2018
	VND	VND
JWB.,CO	5.305.594.934	913.745.424
Nishumura medical instrument Co., LTD	2.453.673.633	2.453.673.633
<b>Tổng cộng</b>	<b>7.759.268.567</b>	<b>3.367.419.057</b>

**7. Vốn chủ sở hữu**

a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi ích cổ đồng không kiểm soát	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư ngày 31/12/2017	20.000.000.000	2.863.107.311	510.566.212	3.835.939.897	27.209.613.420
Số dư ngày 31/03/2018	20.000.000.000	2.863.107.311	510.566.212	3.845.532.741	27.219.206.264

b) Cổ phiếu

	31/03/2018	01/01/2018
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành:	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	2.000.000	2.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông:	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	2.000.000	2.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000
Mệnh giá cổ phiếu lưu hành là: 10.000 đồng		



**CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**

Biệt thự số 35 BT5, KĐT Pháp Vân – Tứ Hiệp, P.Hoàng Liệt, Quận, Hoàng Mai, TP Hà Nội

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KD**

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Quý 1 Năm 2018	Quý 1 Năm 2017
	VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.321.850.667</b>	<b>2.685.953.871</b>
<u>Trong đó</u>		
<b>Doanh thu hoạt động không được ưu đãi thuế TNDN</b>		
Hoạt động khác	1.321.850.667	2.685.953.871
Doanh thu thi công, xây dựng		
<b>Doanh thu hoạt động được ưu đãi thuế TNDN</b>	<b>1.321.850.667</b>	<b>2.685.953.871</b>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
<b>2. Giá vốn hàng bán</b>		
	Quý 1 Năm 2018	Quý 1 Năm 2017
	VND	VND
<b>Giá vốn hoạt động không được ưu đãi thuế TNDN</b>	<b>667.128.100</b>	<b>1.339.124.373</b>
Hoạt động khác		
<b>Giá vốn hoạt động được ưu đãi thuế TNDN</b>		
	667.128.100	1.339.124.373
<b>Tổng cộng</b>		
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
	Quý 1 Năm 2018	Quý 1 Năm 2017
	VND	VND
	205.792	1.804.664
<b>Tổng cộng</b>	<b>205.792</b>	<b>1.804.664</b>
<b>4. Chi phí bán hàng</b>		
	Quý 1 Năm 2018	Quý 1 Năm 2017
	VND	VND
Thu nhập khác		
<b>Tổng cộng</b>		
<b>5 Chi phí khác</b>		
	Quý 1 Năm 2018	Quý 1 Năm 2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**

Biệt thự số 35 BT5, KĐT Pháp Vân – Tứ Hiệp, P.Hoàng Liệt, Quận, Hoàng Mai, TP Hà Nội

	VND	VND
<b>Tổng cộng</b>		
<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>Quý 1 Năm 2018 VND</b>	<b>Quý 1 Năm 2017 VND</b>
	625.244.483	940.228.505
<b>Tổng cộng</b>	<b>625.244.483</b>	<b>940.228.505</b>
<b>7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>Quý 1 Năm 2018</b>	<b>Quý 1 Năm 2017</b>
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.592.844	389.816.657
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông hiện hữu	9.592.844	389.816.657
Cổ phiếu lưu hành bình quân	2.000.000	2.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.7	195



Hoàng Thị Khánh Vân  
Người lập biểu



Phạm Thị Minh Thư  
Kế toán trưởng



Đặng Quang Nam  
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 01 năm 2018

